

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SA ĐÉC
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2019/HNGĐ-ST.
Ngày: 14 – 5 – 2019
V/v Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SA ĐÉC - TỈNH ĐỒNG THÁP**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Ngô Thị Mỹ Lợi

2. Ông Nguyễn Văn Minh

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Kim Kiều – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sa Đéc tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Trung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 80/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2019 về việc “Tranh chấp ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh L, sinh năm 19XX

Địa chỉ: Đội F, xã Q, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Bị đơn: Chị P, sinh năm 19YY

Địa chỉ: Số Z, ấp T, xã Đ, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn có mặt, nguyên đơn có đơn xét xử vắng mặt

NHẬN THẤY:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn anh L trình bày:

- Về hôn nhân: Anh L và chị P tìm hiểu nhau khoảng 01 năm, thì tổ chức đám cưới và chung sống vợ chồng vào năm 2009, có đăng ký kết hôn vào ngày 10/8/2009 tại UBND xã Đ, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp. Sau kết hôn, anh L và chị P chung sống tại nhà cha mẹ chị P ở xã Đ, thành phố S. Anh L và chị P chung sống hạnh phúc đến năm 2012 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do kinh tế khó khăn, anh L không đảm bảo được vấn đề tài chính cho gia đình, không nhận được sự giúp đỡ, chia sẻ của gia đình chị P, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung,

trong cuộc sống.

Từ tháng 8/2012 cho đến nay, anh L và chị P không còn sống chung với nhau nữa. Nay anh L nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh L và chị P cũng không thể hàn gắn trở lại chung sống, vợ chồng đã sống ly thân hơn 06 năm. Do đó, anh L yêu cầu ly hôn chị P.

- Về con chung: Có 02 con tên X, sinh ngày 04/02/2010 và T1, sinh ngày 02/5/2012. Khi ly hôn, anh L yêu cầu nuôi cháu X, không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con. Anh L đồng ý để cháu T1 cho chị P nuôi dưỡng, anh L không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, nên không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản ghi lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay bị đơn chị P trình bày:

- Về hôn nhân: Chị P thống nhất theo lời trình bày của anh L về thời gian tìm hiểu, chung sống và đăng ký kết hôn. Chị P và anh L chung sống hạnh phúc đến năm 2012 do điều kiện kinh tế khó khăn, nên anh L đề nghị chị P đưa 02 con nhỏ về quê anh L sinh sống. Chị P về quê anh L sống được khoảng 08 tháng, do điều kiện khí hậu khắc nghiệt, chị P và con nhỏ (T1 không chịu được, nên chị P đưa con trở về nhà cha mẹ ruột sống từ tháng 8/2012 cho đến nay. Từ đó, chị P và anh L cũng không còn tới lui, thăm hỏi lẫn nhau. Thời gian khoảng 01 năm trở lại đây thì chị P và anh L mới liên lạc hỏi thăm các con. Nay chị P nhận thấy tình cảm không còn, chị P và anh L không thể hàn gắn trở lại sống chung, chị P đồng ý ly hôn anh L.

- Về con chung: Có 02 con tên X, sinh ngày 04/02/2010 và T1, sinh ngày 02/5/2012. Khi ly hôn chị P yêu cầu nuôi cháu T1, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. Chị P đồng ý để anh L nuôi cháu X, chị P không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, nên không yêu cầu giải quyết.

* Tại bản khai ngày 22/3/2019, biên bản hỏi ý kiến con ngày 06/5/2019 cháu X có nguyện vọng được sống với cha. Cháu T1 có nguyện vọng được sống với mẹ.

*** Ý kiến của Viện kiểm sát tại phiên tòa:**

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa cũng như các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Về hôn nhân: Xét thấy việc anh L yêu cầu ly hôn chị P là có căn cứ nên chấp nhận; Về nuôi con chung: Công nhận sự thỏa thuận của anh L và chị P. Anh L được quyền nuôi cháu X, chị P được quyền nuôi cháu T1. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh L và chị không yêu cầu nên không xem xét. Về chia tài sản chung, nợ chung: Anh L và chị P xác định không có nên không xem xét

Về án phí đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định pháp luật.

XÉT THẤY:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn anh L có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy trường hợp vắng mặt của nguyên đơn không thuộc trường hợp phải hoãn phiên tòa. Do đó, căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu của anh L yêu cầu ly hôn chị P, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Anh L và chị P chung sống vợ chồng từ năm vào năm 2009, trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn vào ngày 10/8/2009 tại UBND xã Đ, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống giữa anh L và chị P đã phát sinh nhiều mâu thuẫn do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, bất đồng quan điểm về nơi ở. Ngoài ra, kinh tế khó khăn, anh L không đảm bảo được vấn đề tài chính cho vợ con, không nhận được sự giúp đỡ, chia sẻ của gia đình chị Phúc. Nên anh L và chị P đưa các con về quê của anh L (Lào Cai) sinh sống. Chị P về quê anh L sống được khoảng 08 tháng, chị P và con nhỏ (T1) không chịu được điều kiện khí hậu khắc nghiệt (khí hậu quá lạnh) ở quê anh L, nên đến tháng 8/2012 chị P đưa con nhỏ về nhà cha mẹ ruột sống cho đến nay.

Nay về tình cảm không còn, vợ chồng không thể hàn gắn trở lại chung sống. Anh L yêu cầu ly hôn, về phía chị P cũng đồng ý ly hôn anh L. Tuy nhiên, do điều kiện đường xá xa xôi, anh L có đơn xin giải quyết vắng mặt nên Tòa án không thể công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh L và chị P.

Tại Khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

“1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.”

Do đó, Hội đồng xét xử xét mâu thuẫn vợ chồng giữa anh L và chị P đã thực sự trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân trong một thời gian dài, nên việc anh L yêu cầu ly hôn chị P là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về nuôi con chung: Có 02 con tên X, sinh ngày 04/02/2010 (hiện đang sống với anh L) và T1, sinh ngày 02/5/2012 (hiện đang sống với chị P). Khi ly hôn, anh Liêng và chị Phúc thống nhất thỏa thuận: Anh L được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu X; Chị P được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T1. Xét thấy, sự thỏa thuận về việc nuôi con chung sau ly hôn giữa anh L và chị P là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình cũng như với nguyện vọng của các con nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Anh L và chị P có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc con, không ai có quyền cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh L và chị P không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Anh L và chị P xác định không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Anh L nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm (về ly hôn) theo quy định của pháp luật.

Đối với ý kiến của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Các Điều: 55, 56, 58, 71, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý án phí và lệ phí Tòa án.

Xử :

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của L. Cho ly hôn giữa anh L và chị Võ P.

2. Về nuôi con chung:

- Anh L được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên X, sinh ngày 04/02/2010 (hiện đang sống với anh L)

- Chị P được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên T1, sinh ngày 02/5/2012 (hiện đang sống với chị P).

- Anh L và chị P không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Anh L và chị P có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc con, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

4. Về án phí:

- Anh L nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (về ly hôn). Số tiền tạm ứng án phí anh L đã nộp ngày 27/3/2019 theo biên lai thu số 0009509 tại Chi cục Thi hành án Dân sự Thành phố Sa Đéc được khấu trừ toàn bộ vào án phí phải nộp.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật

thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự (02 bản);
- Tòa án Tỉnh Đồng Tháp (01 bản)
- Viện Kiểm sát nhân dân TP. Sa Đéc (02 bản);
- Chi cục Thi hành án Dân sự TP. Sa Đéc (01 bản)
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng (04 bản);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀN**

(Đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Thị Thủy